

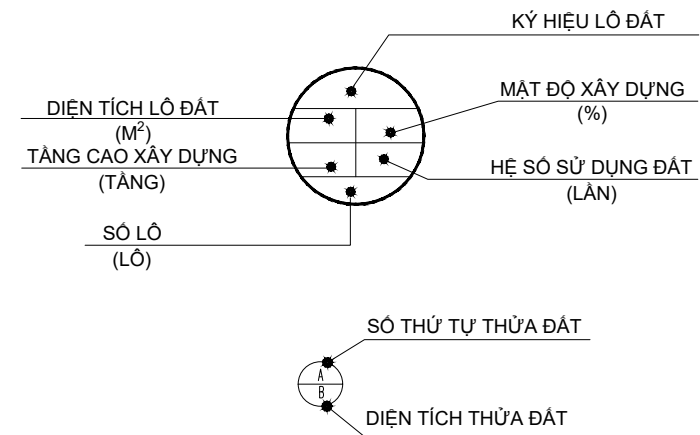
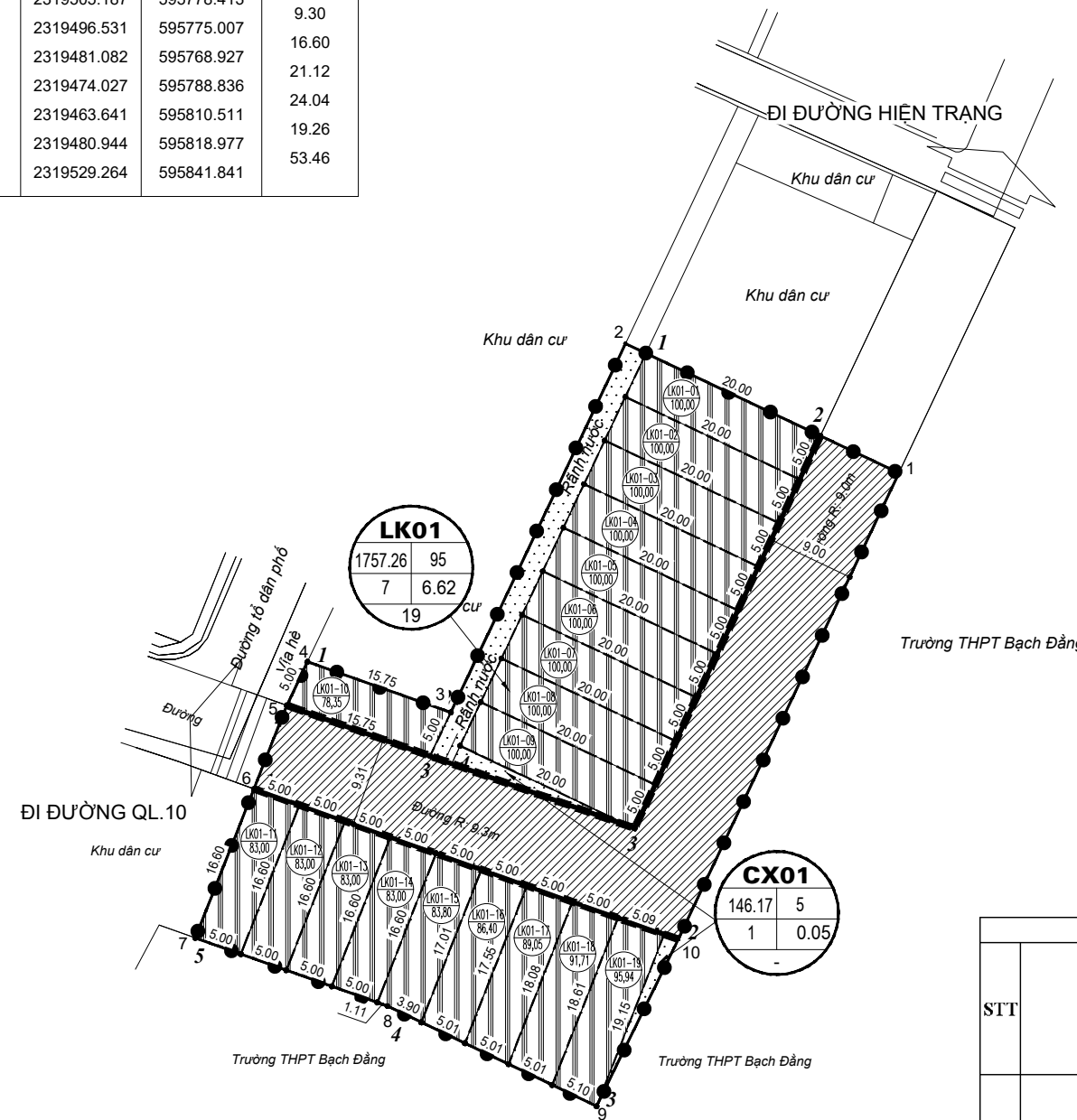
BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh (m)
	X	Y	
1	2319529.264	595841.841	31.35
2	2319542.683	595813.509	42.30
3	2319504.455	595795.404	15.75
4	2319509.706	595780.551	5.00
5	2319505.187	595778.413	9.30
6	2319496.531	595775.007	16.60
7	2319481.082	595768.927	21.12
8	2319474.027	595788.836	24.04
9	2319463.641	595810.511	19.26
10	2319480.944	595818.977	53.46
1	2319529.264	595841.841	

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500
KHU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI TÒ DÂN PHỐ CHỢ TÔNG

KÝ HIỆU:

-  RANH GIỚI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH
S= 2.742,14M²
-  CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
-  CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ
-  ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KÈ
-  ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
-  ĐƯỜNG GIAO THÔNG



BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở liên kề	1.757,25	64,08
2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	146,17	5,33
3	Đất giao thông	838,72	30,59
Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch		2.742,14	100,00

BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên lô đất	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
1	Đất nhà ở liên kề	LK	1.757,25	7	95	6,62
		LK-01	1.757,25	7	95	6,62
2	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	146,17	1	5	0,05
		CX-01	146,17	1	5	0,05
3	Đất giao thông		838,72	-	-	-
Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch			2.742,14			

BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT CÁC LỖ ĐẤT

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Tổng số lỗ	Diện tích	Tầng cao	Mật độ xây dựng	Hệ số sử dụng đất	
				(m ²)	(tầng)	(%)	(lần)	
1	Đất nhà ở liên kề	LK01	19	1.757,25	7	95	6,62	
				LK01-01	100,00	7	90	6,30
				LK01-02	100,00	7	90	6,30
				LK01-03	100,00	7	90	6,30
				LK01-04	100,00	7	90	6,30
				LK01-05	100,00	7	90	6,30
				LK01-06	100,00	7	90	6,30
				LK01-07	100,00	7	90	6,30
				LK01-08	100,00	7	90	6,30
				LK01-09	100,00	7	90	6,30
				LK01-10	78,35	7	100	7,00
				LK01-11	83,00	7	100	7,00
				LK01-12	83,00	7	100	7,00
				LK01-13	83,00	7	100	7,00
				LK01-14	83,00	7	100	7,00
				LK01-15	83,80	7	100	7,00
				LK01-16	86,40	7	100	7,00
				LK01-17	89,05	7	100	7,00
				LK01-18	91,71	7	99	6,93
LK01-19	95,94	7	95	6,65				